

**NGHỊ QUYẾT**

**Về quy định mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và mức chi hỗ trợ trực tiếp nạn nhân bị mua bán trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN  
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 21**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống mua bán người ngày 29/3/2011;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người;*

*Căn cứ Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019 của Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người;*

*Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh về quy định mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và mức chi hỗ trợ trực tiếp nạn nhân bị mua bán trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 40/BC-HĐND ngày 18/6/2020 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất quy định mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và mức chi hỗ trợ trực tiếp nạn nhân bị mua bán trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi áp dụng**

a) Nghị quyết này quy định mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và mức chi hỗ trợ trực tiếp nạn nhân bị mua bán trên địa bàn tỉnh Long An.

b) Trường hợp sử dụng nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và nhà tài trợ; trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có

thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thoả thuận về mức chi thì áp dụng theo mức chi quy định tại Nghị quyết này.

## **2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân.

## **3. Nguồn kinh phí thực hiện**

a) Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị và địa phương theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Ngân sách địa phương hỗ trợ cho các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân ngoài công lập để hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại, hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP và mức chi quy định tại Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019 của Bộ Tài chính trên cơ sở số nạn nhân được cơ sở trợ giúp.

c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

d) Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## **4. Nội dung và mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân**

a) Chi công tác phí cho cán bộ phục vụ hoạt động xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ và vận chuyển nạn nhân; tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ; kiểm tra công tác hỗ trợ nạn nhân: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An.

b) Chi hợp tác quốc tế trong việc tiếp nhận, xác minh nạn nhân: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của Hội đồng nhân dân về quy định các mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam và các mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Long An; Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính.

c) Chi chế độ làm đêm, thêm giờ: Thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BTC-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

d) Chi xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật thông tin về nạn nhân: thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

e) Chi thuê, mua sắm trang thiết bị đặc thù phục vụ xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ nạn nhân thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu.

g) Chi thông tin liên lạc, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm, chi khác có liên quan đến công tác hỗ trợ nạn nhân. Mức chi căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

h) Chi lập hồ sơ nạn nhân, mức chi 100.000 đồng/01 hồ sơ (bao gồm cả ảnh, biên bản xác minh, biên bản bàn giao nạn nhân).

i) Chi hỗ trợ người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ nạn nhân. Mức chi 200.000 đồng/người/ngày.

k) Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho nạn nhân. Mức chi thù lao: 10.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn nhưng không quá 500.000 đồng/cán bộ/tháng.

## **5. Nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân**

a) Chi hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại

- Tiền ăn: Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian nạn nhân tạm trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân (sau đây gọi tắt là cơ sở): theo mức hỗ trợ đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh, thời gian hỗ trợ không quá 03 tháng.

- Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: Nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở được cấp vật dụng phục vụ sinh hoạt thường ngày và các chi phí khác thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh.

- Chi tiền tàu xe và tiền ăn cho nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú nhưng không có khả năng chi trả:

+ Tiền tàu xe: Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông. Trường hợp nạn nhân là người chưa thành niên, cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải cứu, hỗ trợ nạn nhân bố trí cán bộ đưa nạn nhân về nơi cư trú bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm vận chuyển; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận và phù hợp với giá cả trên địa bàn cùng thời điểm.

+ Tiền ăn trong những ngày đi đường: 70.000 đồng/người/ngày.

## b) Chi hỗ trợ y tế

- Đối với nạn nhân chưa có thể bảo hiểm y tế: trong thời gian lưu trú tại cơ sở được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí theo quy định hiện hành của tỉnh.

- Hỗ trợ tiền thuốc thông thường: Trong thời gian nạn nhân lưu trú tại cơ sở không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được hỗ trợ tiền thuốc thông thường theo thực tế phát sinh.

- Trường hợp nạn nhân bị ốm nặng phải chuyển đến cơ sở y tế điều trị thì việc thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

- Trường hợp nạn nhân chết trong thời gian lưu trú tại cơ sở, sau 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền mà thân nhân không đến kịp hoặc không có điều kiện mai táng thì cơ sở có trách nhiệm tổ chức mai táng. Chi phí giám định pháp y, chi phí mai táng thực hiện theo quy định đối với đối tượng tại Trung tâm công tác xã hội.

## c. Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu

- Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề:

+ Nạn nhân được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021, Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định.

+ Trường hợp nạn nhân học nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học nghề. Mức hỗ trợ theo chi phí đào tạo nghề ngắn hạn tương ứng tại các cơ sở đào tạo nghề ở địa phương nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

- Chi hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo khi trở về nơi cư trú: 1.000.000 đồng/người (hộ nghèo được hỗ trợ là hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập).

6. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại quy định của Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa IX, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 09/7/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/7/2020./.

**Nơi nhận:** *MU*

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. QH, VP. CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính; LĐ-TB&XH;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP. Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP. Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh (Phòng CT.HĐND - 2b);
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT. *(Ch)*

**CHỦ TỊCH**



*Phạm Văn Rạng*  
**Phạm Văn Rạng**